

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2022/HSST**

Ngày: 14/01/2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Võ Thị Mai.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Nguyễn Thế Hằng.

**- *Thư ký phiên toà:*** Ông Hồ Quốc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2021/TLST – HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn N**, sinh ngày: 12/05/1992 tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; con ông Vi Văn H, sinh năm 1964 và con bà Trần Thị T, sinh năm: 1964; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Có 03 tiền sự, cụ thể: Ngày 19/10/2016 bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích với số tiền 750.000 đồng, đã nộp phạt xong; Ngày 18/9/2019, bị Tòa án

nhân dân huyện N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/2019/QĐ-TA, ngày 10/12/2020 đã chấp hành xong Quyết định; Ngày 06/8/2021, bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 2.000.000 đồng nhưng đến nay bị cáo chưa nộp phạt. Ngày 20/9/2021, bị cáo tiếp tục phạm tội nên chưa hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Lý Văn B**, sinh ngày: 06/01/2003 tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Tày; con ông Lý Văn Đ, sinh năm 1966 và con bà Vi Thị M, sinh năm: 1959; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Có 02 tiền sự, cụ thể: Ngày 08/10/2020, bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng, hiện nay đã nộp phạt số tiền trên; Ngày 06/8/2021, bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 2.000.000 đồng nhưng đến nay bị cáo chưa nộp phạt. Ngày 20/9/2021, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên chưa hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

+ Ông Y M Mlô, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Buôn R, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Y T Niê, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Buôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Đặng Khắc Thế V, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Bà H L Byă, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Buôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Bà H M Niê, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Buôn Kn, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Chu Văn D, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn 11, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy H . Địa chỉ: Tổ 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Bá N, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Lý Xuân T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Buôn C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn V, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì Văn N và Lý Văn B là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng thì N và B đã thống nhất với nhau tìm kiếm người dân sơ hở trong việc trông coi, bảo quản tài sản thì thực hiện hành vi trộm cắp bán lấy tiền. Khoảng 9 giờ ngày 24/9/2021, N và B đi B đến đập nước thuộc thôn 13, xã Đ, huyện K thì phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu VINA WIN, màu sơn Đỏ, biển số 47M1 – 7526 (xe này của anh Y T Niê, sinh năm 1980 trú tại Buôn

S, xã Đ, huyện K mua lại của ông Chu Văn D ) dựng ở trên đập không có người trông coi quản lý, B đứng ngoài cánh giới còn N đi vào dắt xe ra đập xe nổ máy rồi chở B đi về hướng huyện N tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến đoạn đường thuộc tổ 7, thị trấn K thì bị lực lượng Công an huyện K phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Cơ quan điều tra Công an huyện K đã ra lệnh giữ người và bắt người khản cấp đối với N và B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu VINA WIN, biển số 47M1-7526 có giá trị 3.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, N và B còn tự khai nhận, ngoài vụ trộm cắp nêu trên thì trước đó N và B còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 14 giờ ngày 20/9/2021, Vi Văn N và Lý Văn B đi B đến Buôn R, thị trấn K, huyện K phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Promoto, biển số 47P1-8780 màu sơn nâu của anh Y M Mlô, sinh năm 1990 đang dựng bên lề đường không có người trông coi; lúc này N đứng cạnh giới còn B đi đến tháo khớp nối ổ điện của xe rồi đập nổ máy để N điều khiển xe chở B đi đến cầu sắt thuộc thôn L, xã X, huyện K bán chiếc xe trên cho người đàn ông đi mua phế liệu (không rõ nhân thân lai lịch) được 500.000đ. Số tiền này N và B chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64 ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện k kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Promoto, biển số 47P1-8780, màu sơn nâu có giá trị 1.500.000 đồng.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 21/9/2021, N và B tiếp tục đi B đến trước số nhà 22 đường C thuộc tại Tổ 3A, thị trấn K, huyện K thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Moda biển số 47P1-6580, màu sơn đen của anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1993 (xe này H mượn của chị gái là Nguyễn Thị Thúy H để sử dụng) đang dựng trước nhà không có người trông coi quản lý; lúc này B đứng ở ngoài cánh giới còn N đến vị trí để chiếc xe rồi tháo ổ khoá điện dắt ra ngoài, N đập nổ máy rồi điều khiển chở B đi đến cầu sắt thuộc thôn H, xã X, huyện K bán chiếc xe trên cho người

đàn ông đi mua phế liệu (không rõ nhân thân lai lịch) được 500.000đ. Số tiền này N và B chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64 ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Moda, biển số 47P1-6580, màu sơn đen có giá trị 1.500.000 đồng.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 22/9/2021, N và B tiếp tục đi B đến trước số nhà 30 đường T thuộc tại Tổ 3A, thị trấn K, huyện K thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wivern, biển số 47M8-2070, màu sơn đen của anh Đặng Khắc Thê V, sinh năm 1981 (xe này mua lại vào năm 2007 với giá khoảng 6.000.000 đồng) đang dựng trước hiên nhà không có người trông coi quản lý; lúc này N đứng cạnh giới còn B đi đến vị trí để chiếc xe rồi tháo ổ khoá điện, rồi đạp nổ máy điều khiển xe chở N đi đến cầu sắt thuộc thôn L, xã X, huyện K bán chiếc xe trên cho người đàn ông đi mua phế liệu (không rõ nhân thân lai lịch) được 500.000đ. Số tiền này N và B chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64 ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Wivern, biển số 47M1-2070, màu sơn đen có giá trị 1.000.000 đồng.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/9/2021, N và B tiếp tục đi B đến Buôn S, xã Đ, huyện K thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan, biển số 47F1-025.36, màu sơn nâu của chị H L Byă, sinh năm 1991 (mua lại của ông Lý Xuân T) đang dựng trước sân nhà bà Mí L không có người trông coi; lúc này B đứng ở ngoài cạnh giới còn N đi đến vị trí để chiếc xe rồi tháo ổ khoá điện dắt ra ngoài, N đạp nổ máy rồi điều khiển xe chở B đi đến bán chiếc xe trên cho tiệm thu mua phế liệu ở Buôn S, xã Đ, huyện K được 500.000đ. Số tiền này N và B chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64 ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Ea Kar kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Lifan, biển số 47F1-025.36, màu sơn nâu có giá trị 1.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Bản cáo trạng số: 66/CT – VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 66/CT – VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã công bố, cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ N quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của B luật hình sự

Xử phạt bị cáo Vi Văn N từ 01 (một) năm 4 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 8 (tám) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lý Văn B từ 01 (một) năm 4 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 8 (tám) tháng tù.

Các Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 29, 31, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu VINA WIN, biển số 47M1-7526, số máy 2FMH00105298, số khung HUUM5H105298, màu sơn đỏ cho anh Y T Niê và trả lại chiếc mô tô nhãn hiệu Promoto, biển số 47P1-8780 màu sơn nâu, số máy VTT39JL1P50FMG003220, số khung RRKDCG2UMAXG03220 cho anh Y M Mlô là các chủ sở hữu hợp pháp.

Truy thu số tiền 2.000.000đ tiền thu lợi bất chính từ việc các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có, do đó buộc các bị cáo N và B mỗi bị cáo phải nộp số tiền 1.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Vi Văn N và Lý Văn B còn khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 ngày 21/9/2021, N và B đi B đến Buôn K, xã N, huyện K rồi trộm cắp được 01 xe mô tô Dream, màu sơn đen (không rõ nhãn hiệu, biển số) của chị H M Niê, sinh năm 1992 (mua lại tại một tiệm cầm đồ). Sau đó đem bán cho một người phụ nữ đi mua phế liệu (không rõ nhân thân lai lịch) được 500.000đ. Số tiền này N và B chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không thu giữ được vật chứng, chị H M Niê không cung cấp được giấy đăng ký mô tô, xe máy và không nhớ biển số xe mà N và B đã trộm cắp vào ngày 21/9/2021. Ngày 11/11/2021, Cơ quan điều tra đề nghị Hội đồng định giá tài sản đối với xe mô tô kiểu dáng Dream, màu sơn đen; ngày 19/11/2021, Hội đồng định giá có công văn số 03 từ chối giám định, do chưa cung cấp đầy đủ thông tin điều kiện cần thiết và không thu giữ được tài sản cần giám định. Do đó chưa có căn cứ để xử lý hình sự đối với N và B về hành vi trộm cắp của chị H M Niê vào ngày 21/9/2021.

**- Về trách nhiệm dân sự:** Anh Y T Niê và anh Y M Mlô là bị hại trong vụ án, đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Người bị hại anh Nguyễn Xuân H yêu cầu bồi thường 1.500.000 đồng; anh Đặng Khắc Thế V yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng; chị H Lung Byã yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng; chị H M Niê yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo N và B đều đồng ý bồi thường toàn B số tiền trên cho các bị hại, cụ thể: Bị cáo N bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 750.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H L số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H M Niê số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo B bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 750.000 đồng;

bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H Lung số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H M Niê số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với người đàn ông và người phụ nữ (hiện không rõ nhân thân lai lịch), là những người đi mua phế liệu và đã mua các tài sản mà N và B trộm cắp đem đến bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch nên chưa có căn cứ để xử lý. Hiện nay Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu đủ căn cứ thì xử lý sau.

Đối với Đỗ Thị L đã có hành vi mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Promoto, thời điểm mua xe không có biển số (sau này xác định biển số 47P1-8780) màu sơn nâu do một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) chở đến bán. Khi mua chị Đỗ Thị L không biết đó là tài sản trộm cắp mà có và mua theo dạng phế liệu với số tiền 600.000đ, hiện chị L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho cơ quan điều tra, không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 600.000đ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Vi Văn N và Lý Văn B khai nhận: Sau khi bán tài sản trộm cắp được tiền thì chia nhau tiêu xài và dùng mua ma túy để sử dụng và đã sử dụng hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được ma túy và không xác định được đối tượng bán ma túy cho N và B nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bà H M Niê không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các bị cáo của cơ quan điều tra huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; Viện kiểm sát nhân dân huyện



Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk các điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (khai tại cơ quan điều tra), phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 9 giờ ngày 24/9/2021, Vi Văn N và Lý Văn B đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu VINA WIN, màu sơn Đỏ, biển số 47M1 – 7526 của anh Y T Niê thì bị lực lượng Công an huyện Ea Kar phát hiện bắt giữ cùng tang vật vụ án, gây thiệt hại tài sản của anh Y T Niê có giá trị 3.900.000đ. Ngoài ra trong quá trình điều tra các bị cáo N, Lý Văn B còn khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác, mỗi lần trộm cắp tài sản dưới 2.000.000đ, cụ thể như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 20/9/2021, Vi Văn N và Lý Văn B đã thực hiện hành vi lấy trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Promoto, biển số 47P1-8780 màu sơn nâu gây thiệt hại tài sản của anh Y M Mlô với tổng giá trị 1.500.000 đồng.

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 21/9/2021, N và B đã lấy trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Moda biển số 47P1-6580, màu sơn đen gây thiệt hại giá trị tài sản của anh Nguyễn Xuân H là 1.500.000 đồng.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 22/9/2021, N và B đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wivern, biển số 47M8-2070, màu sơn đen của anh Đặng Khắc Thế V, gây thiệt hại tài sản có giá trị 1.000.000 đồng.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/9/2021, N và B đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan, biển số 47F1- 025.36, màu sơn nâu của chị H L Byă, tài sản trộm cắp có giá trị 1.000.000 đồng.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng điểm a (*Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*), điểm c (*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*) khoản 1 Điều 173 BLHS và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên;) quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS, HĐXX nhận thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo N và B trộm cắp tài sản của anh Y T Niê, có giá trị 3.900.000 đồng là trên mức tối thiểu bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên đã thỏa mãn cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, trong thời gian từ ngày 21/9/2021 đến ngày 23/9/2021 các bị cáo đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản đều dưới 2.000.000đ, có tính chất liên tục nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng giá trị tài sản trộm cắp với 5 lần là 8.900.000đ mà không áp dụng đối với 4 lần trộm cắp dưới 2.000.000đ do đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm để cấu thành tội, do vậy không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS như đề nghị của Viện Kiểm sát.

Xét hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của những người bị hại trái pháp luật. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của B luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 B luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp

sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét về ý thức: Các bị cáo là công dân đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là trái pháp luật, hành vi đó sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, xem thường tài sản của người khác, chỉ vì mục đích tham lam, tư lợi cá nhân, các bị cáo đều trong độ tuổi lao động muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nhưng lại không muốn bỏ sức lao động của mình nên trong thời gian từ ngày 20/9/2021 đến ngày 24/9/2021 Vi Văn N và Lý Văn B đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.900.000đ. Đây là vụ án đồng phạm, vì vậy cần phân hoá vai trò cũng như nhân thân của từng bị cáo để đánh giá mức độ nguy hiểm của từng bị cáo từ đó có mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Vi Văn N đã bị áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính 03 lần và bị cáo Lý Văn B đã bị 02 lần áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính, đến nay các bị cáo chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đáng lẽ ra các bị cáo coi đó làm bài học để cảnh tỉnh cho bản thân nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử lý nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Với tính chất hành vi phạm tội và phần nhân thân của các bị cáo nêu trên, HĐXX xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận trước đó có nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản dưới mức định lượng; các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên trình độ nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do vậy,

HĐXX căn cứ điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B mỗi bị cáo mức án từ 01 (một) năm 4 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 8 (tám) tháng tù là hơi nghiêm khắc. Bởi lẽ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.900.000đ. Vì vậy HĐXX căn cứ điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Các Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 29, 31, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu VINA WIN, biển số 47M1-7526, số máy 2FMH00105298, số khung HUUM5H105298, màu sơn đỏ cho anh Y T Niê và trả lại chiếc mô tô nhãn hiệu Promoto, biển số 47P1-8780 màu sơn nâu, số máy VTT39JL1P50FMG003220, số khung RRKDCG2UMAXG03220 cho anh Y M Mlô là các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát truy thu số tiền 2.000.000đ do các bị cáo bán tài sản trộm cắp của các bị hại ông Y M Mlô, ông Nguyễn Xuân H, ông Đặng Khắc Thế V và bà H L Byă mà có, HĐXX thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho các bị hại ông Nguyễn Xuân H, ông Đặng Khắc Thế V và bà H L Byă với tổng số tiền chiếm đoạt là 3.500.000đ và ông Y M Mlô đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy việc Viện kiểm sát đề nghị truy thu mỗi bị cáo số tiền 1.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước là bất lợi cho các bị cáo nên HĐXX không chấp nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Y T Niê và anh Y M Mlô đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra để giải quyết.

+ Buộc các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho chị H Lưng số tiền 1.000.000 đồng. Trong đó: Bị cáo N bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 750.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H Lưng số tiền 500.000 đồng. Bị cáo B bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 750.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H Lưng số tiền 500.000 đồng.

+ Ghi nhận thỏa thuận tại phiên tòa: Các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B tự nguyện bồi thường cho bà H M Niê số tiền 2.000.000 đồng. Trong đó bị cáo N bồi thường 1.000.000 đồng và bị cáo B bồi thường 1.000.000 đồng.

[6] Đối với người đàn ông và người phụ nữ (hiện không rõ nhân thân lai lịch), là những người đi mua phế liệu và đã mua các tài sản mà N và B trộm cắp đem đến bán. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của những người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với bà Đỗ Thị L đã có hành vi mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Promoto, thời điểm mua xe không có biển số (sau này xác định biển số 47P1-8780) màu sơn nâu do một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) chở đến bán. Khi mua bà L không biết đó là tài sản trộm cắp mà có và mua theo dạng phế liệu với số tiền 600.000đ, hiện bà L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho cơ quan điều tra, không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 600.000đ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B mỗi bị cáo

phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn N 01 (Một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2021.

Xử phạt bị cáo Lý Văn B 01 (Một) năm 01 (một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2021.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

+ Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 29, 31, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu VINA WIN, biển số 47M1-7526, số máy 2FMH00105298, số khung HUUM5H105298, màu sơn đỏ cho anh Y T Niê và trả lại chiếc mô tô nhãn hiệu Promoto, biển số 47P1-8780 màu sơn nâu, số máy VTT39JL1P50FMG003220, số khung RRKDCG2UMAXG03220 cho anh Y M Mlô là các chủ sở hữu hợp pháp.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Y T Niê và anh Y M Mlô đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết. Bà Đỗ Thị L không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 600.000đ nên không đặt ra để giải quyết.

Buộc các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho chị H L số tiền 1.000.000 đồng. Trong đó:

Bị cáo N bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 750.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H Lung số tiền 500.000 đồng. Bị cáo B bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 750.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Khắc Thế V số tiền 500.000 đồng; bồi thường cho chị H Lung số tiền 500.000 đồng.

Ghi nhận thỏa thuận tại phiên tòa: Các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B tự nguyện bồi thường cho bà H M Niê số tiền 2.000.000 đồng. Trong đó bị cáo N bồi thường số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo B bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 B luật dân sự.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của B luật tố tụng hình sự; Khoản 1 khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự không có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Vi Văn N, Lý Văn B và bà H M Niê được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được bản án được niêm yết hợp lệ; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án*

*dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Công an huyện E;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: H sơ vụ án, V.P

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Võ Thị Mai**